

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

NGUYỄN PHI LONG

**THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HOÀ GIẢI CƠ SỞ
TỪ THỰC TIỄN CÁC TỈNH
THUỘC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Mã số: 9 38 01 02

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội – 2018

Công trình được hoàn thành tại Học viện Khoa học xã hội

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS NGUYỄN MINH ĐOAN

Phản biện 1: PGS.TS. Lê Văn Long

Phản biện 2: PGS.TS. Nguyễn Thị Báo

Phản biện 3: PGS.TS. Bùi Xuân Đức

Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp Học viện
– Học viện Khoa học xã hội

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2018

Có thể tham khảo luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Thư viện Học viện Khoa học xã hội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hòa giải là một truyền thống, một đạo lý tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Công tác HGCS góp phần giữ ổn định trật tự xã hội, giữ gìn tình làng nghĩa xóm, tình đoàn kết, tương thân tương ái trong cộng đồng, tập thể, hàn gắn, vun đắp sự hòa thuận, hạnh phúc cho từng gia đình.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: "Xét xử đúng là tốt, nhưng không phải xét xử thì càng tốt hơn". Lời dạy của Người đã cho thấy công tác HGCS có vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống xã hội. Thực hiện lời dạy của Người, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm đến công tác hoà giải. Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ tám (khóa VII) đã chỉ rõ: "Coi trọng vai trò hòa giải của chính quyền kết hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở". Hiến pháp năm 1980, tại điều 128, Hiến pháp 1992, tại Điều 127, chương X, phần Toà án nhân dân đều quy định: "Ở cơ sở, thành lập các tổ chức thích hợp của nhân dân để giải quyết những việc vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ trong nhân dân theo quy định của pháp luật".

Cụ thể hoá Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001), tổng kết 15 năm thực hiện Pháp lệnh về Tổ chức và hoạt động HGCS năm 1998, ngày 20/6/2013, Quốc hội nước ta đã thông qua Luật Hoà giải ở cơ sở. Đây chính là một sự kiện quan trọng đánh dấu bước phát triển mới của quan hệ hoà giải ở cơ sở, một mặt vừa đáp ứng được yêu cầu điều chỉnh những quan hệ xã hội phát sinh trong điều kiện mới, chứng minh sự tồn tại cần thiết của hoà giải ở cơ sở trong đời sống xã hội, một mặt vừa thể hiện sự bắt nhịp với xu thế của thế giới trong đánh giá về vị trí, vai trò của hoà giải. THPL về HGCS có ý nghĩa quan trọng trong việc đưa các quy định pháp luật vào cuộc sống, xác lập và tạo dựng sự đồng thuận xã hội thông qua việc giải quyết những tranh chấp, xích mích trong nhân dân.

Đồng bằng sông Hồng (bao gồm 11 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội đối với cả nước. Trong những năm qua, các tỉnh thuộc vùng ĐBSH đã quan tâm, đẩy mạnh THPL về HGCS do đó đã đạt được những kết quả

đáng khích lệ: HGCS đã và đang được sự quan tâm vào cuộc của cả hệ thống chính trị và nhân dân, hàng ngàn vụ việc mâu thuẫn, xích mích trong nội bộ nhân dân đã được hoà giải thành công góp phần tạo sự ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Bên cạnh đó, ở một số địa phương, quá trình thực hiện vẫn còn tồn tại những hạn chế.

Cho đến nay, trong phạm vi các tư liệu đã được công bố chưa có một công trình nghiên cứu độc lập nào về *"Thực hiện pháp luật về hoà giải cơ sở từ thực tiễn các tỉnh thuộc vùng đồng bằng Sông Hồng"*. Do vậy, Đề tài đã được lựa chọn với mục đích nghiên cứu đầy đủ, thấu đáo hơn dưới góc độ lý luận và thực tiễn việc THPL về HGCS tại các tỉnh thuộc vùng ĐBSH nhằm đánh giá những kết quả đạt được, tồn tại hạn chế và nguyên nhân, qua đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả THPL hoà giải trên phạm vi cả nước, góp phần thực hiện dân chủ hóa mọi mặt của đời sống xã hội, duy trì, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng và phát triển đất nước thực sự giàu đẹp, dân chủ, văn minh.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1 Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận THPL về HGCS, đánh giá thực trạng hoạt động THPL về HGCS ở các tỉnh thuộc vùng ĐBSH, Luận án đề xuất các kiến nghị, giải pháp bảo đảm THPL về HGCS ở nước ta trong điều kiện hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, luận án đề ra các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án.
- Làm rõ những vấn đề lý luận THPL về HGCS ở các tỉnh thuộc vùng ĐBSH.
- Đánh giá thực trạng việc THPL về HGCS ở các tỉnh thuộc vùng ĐBSH; những kết quả, hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân, những yếu tố ảnh hưởng đến THPL về HGCS.
- Đề xuất các giải pháp bảo đảm THPL về HGCS trên phạm vi cả nước.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Về đối tượng nghiên cứu

Việc THPL và những yếu tố ảnh hưởng đến THPL về HGCS trong phạm vi các tỉnh thuộc vùng ĐBSH, bao gồm:

- + Các quy định pháp luật về HGCS, các văn bản hướng dẫn thực hiện pháp luật HGCS của trung ương và của các tỉnh thuộc vùng ĐBSH.
- + Nội dung/thực tiễn THPL về HGCS ở các tỉnh thuộc vùng ĐBSH.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian nghiên cứu: Luận án tiến hành nghiên cứu THPL về HGCS ở các tỉnh thuộc vùng ĐBSH (11 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gồm Hà Nội, Hà Nam, Thái Bình, Nam Định, Vĩnh Phúc, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Ninh Bình).

- Về thời gian nghiên cứu: Từ năm 2009 – 2017

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Phương pháp luận

- Luận án được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Luận án vận dụng các lý thuyết sau:

- + Lý thuyết về dân chủ và quyền con người trong xã hội hiện đại.
- + Lý thuyết về vai trò của các thiết chế xã hội.
- + Lý thuyết về nhà nước pháp quyền.
- + Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về HGCS và dân chủ ở cơ sở.

4.2. Phương pháp nghiên cứu cụ thể:

- Phương pháp lịch sử;
- Phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu, so sánh.
- Phương pháp điều tra xã hội học.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

- Luận án vận dụng lý luận THPL để tiến hành một nghiên cứu chuyên biệt về THPL về HGCS với những đặc thù của vùng ĐBSH.

- Luận án đánh giá thực trạng THPL về HGCS ở các tỉnh thuộc vùng ĐBSH trên cơ sở nội dung của pháp luật về HGCS; nêu rõ những kết quả

đạt được; những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân, những vấn đề đang đặt ra đối với hoạt động THPL về HGCS.

- Đề xuất các quan điểm và giải pháp bảo đảm THPL về HGCS ở các tỉnh nói trên và cả nước đáp ứng yêu cầu của sự phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Về mặt lý luận

Từ những vấn đề có liên quan, Luận án làm rõ thêm, phong phú thêm những vấn đề lý luận về THPL về HGCS: khái niệm HGCS, pháp luật HGCS; khái niệm, vai trò, nội dung, hình thức, chủ thể THPL về HGCS; các yếu tố ảnh hưởng đến THPL về HGCS.

6.2. Về mặt thực tiễn

Những kết quả nghiên cứu của Luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong quá trình giảng dạy, tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ làm công tác quản lý và cán bộ trực tiếp làm công tác HGCS, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả THPL về HGCS; là cơ sở để tham vấn cho các cơ quan quản lý nhà nước trong xây dựng và hoàn thiện pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, tổ chức THPL, đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN.

Luận án cũng mở ra các hướng nghiên cứu chuyên sâu như: THPL về HGCS ở các vùng, địa bàn khác trên cả nước, đảm bảo bình đẳng giới trong THPL về HGCS, những tác động cá nhân tới các quá trình xã hội, vấn đề phát huy sức mạnh tổng hợp của nhân dân để thực hiện các mục tiêu xã hội,....

7. Kết cấu của luận án

Ngoài Phần mở đầu và Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, Luận án gồm 4 Chương và 13 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ ĐỀ TÀI

1.1. Tình hình nghiên cứu về hoà giải cơ sở, pháp luật về hoà giải cơ sở

1.1.1. Tình hình nghiên cứu về hoà giải cơ sở

Những nghiên cứu về hoà giải trên thế giới tập trung theo ba hướng:

- Nghiên cứu về phương thức hoà giải trong giải quyết tranh chấp nói chung;

- Nghiên cứu về các phương thức giải quyết tranh chấp ngoài toà án;

- Nghiên cứu so sánh về hoà giải và xu hướng phát triển của hoà giải trên thế giới.

Ở trong nước, những nghiên cứu về HGCS đã tập trung làm rõ vai trò, ý nghĩa của HGCS đối với xã hội; đánh giá những xu hướng xã hội trong lựa chọn HGCS để giải quyết những tranh chấp, xích mích phát sinh trong cuộc sống.

1.1.2 Tình hình nghiên cứu về pháp luật hoà giải cơ sở

Trong nước, đã có nhiều công trình nghiên cứu về pháp luật HGCS từ công trình khoa học độc lập cấp Nhà nước, cấp Bộ đến các bài báo khoa học.

1.2. Tình hình nghiên cứu về thực hiện pháp luật, thực hiện pháp luật về hoà giải cơ sở

1.2.1. Tình hình nghiên cứu về thực hiện pháp luật

Trong nước và trên thế giới có rất nhiều công trình nghiên cứu về THPL. Đối với các nhà khoa học pháp lý Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu trước đây, thường nghiên cứu về THPL dưới 2 góc độ: một mặt, tập trung làm rõ những vấn đề lý luận về THPL: khái niệm, đặc điểm, hình thức, vai trò, ... mặt khác, nghiên cứu THPL dưới góc độ bộ phận cấu thành của cơ chế điều chỉnh pháp luật trong quan hệ với xây dựng và bảo vệ pháp luật, tăng cường pháp chế; nghiên cứu so sánh giữa các nước, các vùng, các hệ thống luật khác nhau. Ở trong nước, những nghiên cứu về THPL rất phong phú, đa dạng và được tiến hành ở nhiều ngành, lĩnh vực, địa phương khác nhau như: THPL về trợ giúp pháp lý

cho người nghèo, về bảo đảm bình đẳng giới, về bảo vệ quyền lợi cho người tiêu dùng,....

1.2.2. Các công trình nghiên cứu thực hiện pháp luật về hòa giải cơ sở

Quá trình xây dựng dự thảo Luật Hoà giải ở cơ sở, trong nước đã có nhiều nghiên cứu về THPL về HGCS nhằm xây dựng những luận cứ khoa học cũng như giải quyết những vấn đề đặt ra trong quá trình thực hiện những quy định pháp luật về HGCS ở thời điểm đó. Sau khi Luật Hoà giải ở cơ sở được ban hành, đã có thêm nhiều nghiên cứu THPL về HGCS ở một số địa phương trong nước nhằm đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả của THPL trên trong địa bàn nghiên cứu.

1.3. Tình hình nghiên cứu về thực hiện pháp luật hoà giải cơ sở ở các tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Hồng

Hiện chưa có một công trình nghiên cứu độc lập về THPL về HGCS ở các tỉnh thuộc vùng ĐBSH. Các công trình nghiên cứu hiện có mới chỉ nghiên cứu ở địa bàn một huyện, tỉnh, thành phố,... thuộc ĐBSH do đó chưa đưa ra được những kết quả nghiên cứu có tính khái quát/ hoặc những đề xuất giải pháp cho toàn ĐBSH.

1.4. Đánh giá về tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

1.4.1 Những vấn đề có liên quan đến đề tài đã được làm sáng tỏ

- Dưới góc độ lý luận

+ Các nghiên cứu về HGCS đã phần nào đã làm rõ về mặt lý luận về hoà giải nói chung và HGCS nói riêng, đưa ra dấu hiệu phân biệt HGCS với những loại hình hoà giải khác; luận chứng về sự cần thiết/vai trò của hoạt động HGCS, đã có sự so sánh, phân tích những mô hình hoà giải của các quốc gia trên thế giới, tìm ra điểm tương đồng với thể chế hoà giải trong lịch sử của Việt Nam để gợi mở những vấn đề liên quan,...

Tuy nhiên, đa phần các nghiên cứu được tiến hành trong bối cảnh cụ thể, chưa xem xét chế định HGCS trong sự vận động và sự thay đổi của tình hình kinh tế - xã hội, nhất là tác động của kinh tế thị trường, quá trình đô thị hóa đang diễn ra với tốc độ cao. Các công trình này cũng

chưa vận dụng một số lý thuyết mới khi xem xét, nghiên cứu về HGCS do đó các kết quả nghiên cứu còn hạn chế.

+ Các nghiên cứu về THPL đã khái quát một cách có hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về THPL. Một số nghiên cứu THPL ở những lĩnh vực pháp luật cụ thể khác đã có sự nghiên cứu kết nối với những vấn đề lý luận khác (lý luận về bình đẳng giới, lý luận về dân chủ cơ sở,...) làm phong phú và sinh động hơn những vấn đề lý luận về THPL. Tuy nhiên, chưa có công trình nào ở cấp độ luận án tiến sĩ nghiên cứu có hệ thống và toàn diện về THPL về HGCS trong phạm vi các tỉnh thuộc vùng ĐBSH.

Hiện tại, nhiều lý thuyết nghiên cứu mới đã được bổ sung, nhiều vấn đề lý luận đang được nghiên cứu, sáng tỏ để phù hợp với tình hình mới; do đó, nghiên cứu về THPL và THPL về HGCS cần phải phải đặt trong bối cảnh phát triển kinh tế-xã hội của đất nước trong những thập kỷ đầu của thế kỷ XXI.

- Dưới góc độ thực tiễn

Những nghiên cứu đã đánh giá thực trạng hoạt động HGCS, THPL, THPL về HGCS trong phạm vi nghiên cứu một cách khác sâu sắc, cụ thể. Nếu được những kết quả đạt được cũng như chỉ ra những tồn tại hạn chế để làm cơ sở đề xuất các giải pháp liên quan đến mục đích nghiên cứu. Các nghiên cứu cũng đã chỉ ra được những điểm đặc thù trong THPL về HGCS ở các địa bàn nghiên cứu (từ chính sách, những yếu tố ảnh hưởng đến việc tổ chức thực hiện).

Một số nghiên cứu đã đề xuất được những giải pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả THPL về HGCS trên địa bàn nghiên cứu (từ đề xuất về chính sách, pháp luật đến cơ chế và cách thức tổ chức, tiến hành).

Tuy nhiên, các giải pháp mà các nghiên cứu đề xuất mới chỉ là giải pháp của địa phương nghiên cứu; chưa phải giải pháp mang tính toàn quốc, một số quan điểm, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả THPL về HGCS mà các nghiên cứu đề xuất đã được hiện thực hoá, hoặc đã lạc hậu do có những sự thay đổi về quan điểm, chủ trương và cơ chế, chính sách. Một số đề xuất giải pháp chưa có chiều sâu, mới chỉ gọi tên nhưng chưa chỉ được cụ thể các vấn đề cần phải thực hiện như thế nào. Chúng ta đã triển khai tổ chức thực hiện Luật Hoà giải ở cơ sở được 4 năm, quá trình

thực hiện diễn ra trong những bối cảnh xã hội ngày càng thay đổi, nhiều vấn đề mới phát sinh (vấn đề đô thị hoá, vấn đề di dân, vấn đề CNH-HĐH nông nghiệp, nông dân và nông thôn,...), do đó cần phải tiếp tục nghiên cứu để đề xuất những giải pháp đẩy mạnh THPL về HGCS cho phù hợp với tình hình mới.

1.4.2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

- *Về mặt lý luận*: làm sáng tỏ bản chất, vai trò của HGCS trong đời sống xã hội; xây dựng các khái niệm: THPL về HGCS và những khái niệm liên quan; xác định đặc điểm, nội dung THPL về HGCS; phân tích những yếu tố đảm bảo THPL về HGCS.

- *Về mặt thực tiễn*: phân tích, đánh giá một cách có hệ thống thực trạng pháp luật về HGCS và tình hình THPL về HGCS, những yếu tố ảnh hưởng đến việc THPL về HGCS, nêu rõ những kết quả, tồn tại hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân trong THPL về HGCS ở các tỉnh thuộc vùng ĐBSH để từ đó đề xuất những giải pháp bảo đảm THPL về HGCS trong phạm vi cả nước.

1.5. Giả thuyết và câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi nghiên cứu thứ nhất: THPL về HGCS được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận nào?

Giả thuyết nghiên cứu: HGCS có lịch sử từ lâu đời gắn liền với văn hoá làng, xã của Việt Nam, có vai trò quan trọng trong việc giải quyết những mâu thuẫn, xích mích trong cộng đồng dân cư. Chính vai trò của HGCS nên từ một định chế xã hội, HGCS đã được thể chế hoá thành pháp luật. Việc THPL về HGCS là để đưa các quy định pháp luật về HGCS đi vào cuộc sống.

Câu hỏi nghiên cứu thứ hai: Những yếu tố nào ảnh hưởng đến việc THPL về HGCS hiện nay?

Giả thuyết nghiên cứu: Cũng giống như các hình thức THPL khác, THPL về HGCS chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố từ pháp luật HGCS đến chủ thể tiến hành,...

Câu hỏi nghiên cứu thứ ba: Thực trạng pháp luật HGCS hiện nay và thực tiễn THPL về HGCS trong thời gian qua ở các tỉnh thuộc vùng ĐBSH như thế nào?

Giả thuyết nghiên cứu: Quá trình tổ chức THPL về HGCS ở ĐBSH đã được thực hiện đúng quy định và đạt được những kết quả quan trọng. Bên cạnh đó, hoạt động này cũng bộc lộ những tồn tại hạn chế nhất định. Những kết quả THPL về HGCS đã và đang đặt ra những vấn đề cần quan tâm giải quyết nhằm nâng cao hiệu quả THPL về HGCS ở các tỉnh thuộc vùng ĐBSH.

Câu hỏi nghiên cứu thứ tư: Những điểm đặc thù trong THPL về HGCS ở các tỉnh thuộc vùng ĐBSH là gì?

Giả thuyết nghiên cứu: ĐBSH là một khái niệm chỉ một vùng lãnh thổ được kết cấu bởi các yếu tố tự nhiên, xã hội, lịch sử và văn hoá; có những khác biệt so với các vùng khác. THPL về HGCS là một hoạt động mang tính văn hoá - pháp lý bị tác động bởi nhiều yếu tố cho nên THPL về HGCS ở các tỉnh thuộc vùng ĐBSH có những điểm khác biệt, đặc thù không giống bất cứ vùng nào trên cả nước.

Câu hỏi nghiên cứu thứ năm: Từ thực trạng THPL về HGCS ở các tỉnh thuộc vùng ĐBSH, để nâng cao hiệu quả THPL về HGCS trong phạm vi cả nước cần những giải pháp gì?

Giả thuyết nghiên cứu: ĐBSH là một phần của cả nước, những giải pháp nâng cao hiệu quả THPL về HGCS ở các tỉnh thuộc vùng ĐBSH sẽ là những kinh nghiệm tốt để nâng cao hiệu quả THPL về HGCS ở các địa phương khác và trên phạm vi cả nước nói chung.

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT HÒA GIẢI CƠ SỞ

2.1. Hòa giải cơ sở và pháp luật về hòa giải cơ sở

2.1.1. Nhu cầu về giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp trong nhân dân bằng hoà giải

Trong xã hội luôn tồn tại những mặt đối lập và sự đấu tranh giữa các mặt đối lập, đó là động lực của sự phát triển. Khi những xung đột diễn ra cần có phương thức điều hòa, giải quyết để xã hội trở lại một trật tự nhất định. Về nguyên lý, cơ chế giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn có thể được phân thành hai loại: a) cơ chế tự giải quyết; b) cơ chế giải quyết

tranh chấp, mâu thuẫn xã hội có sự can thiệp của bên thứ ba. Trong cơ chế thứ hai, HGCS là một phương thức quan trọng được sử dụng.

Sở dĩ HGCS có quá trình tồn tại lâu đời và phát triển như hiện tại bởi lẽ:

- Xét từ góc độ lịch sử - truyền thống và tâm lý xã hội, đối với Việt Nam cũng như nhiều nước trên thế giới, hòa giải là một *hiện tượng văn hóa*. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: "*Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng với nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn*". Hiện tượng văn hoá này bắt nguồn từ lịch sử xã hội cổ truyền Việt Nam được mở rộng theo công thức Nhà - Làng - Nước.

- Hòa giải "*là một nhu cầu của xã hội tự quản, hòa giải dễ được chấp nhận vì không có người thắng người thua*", nếu có "thua thiệt" thì cũng là thua ít nhất, nhưng lại chính là thắng nhiều nhất.

- Hòa giải góp phần khôi phục, duy trì, củng cố sự đồng thuận, đoàn kết trong xã hội.

- Hòa giải góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của các thành viên trong xã hội.

- Hòa giải góp phần duy trì và phát huy đạo lý truyền thống tốt đẹp, thuần phong mỹ tục của dân tộc, thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và trong giai đoạn hiện nay đó là thực hiện cuộc vận động toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới.

2.1.2. Khái niệm hòa giải và hòa giải ở cơ sở

2.1.2.1. Khái niệm hòa giải

Hòa giải là một quá trình giải quyết những bất đồng, tranh chấp giữa các bên, quá trình đó có sự tham gia của bên thứ ba với vai trò trung lập, giúp các bên đạt được sự thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật, đạo đức xã hội và tự nguyện thực hiện những thỏa thuận đó.

2.1.2.2. Khái niệm và đặc điểm của hòa giải ở cơ sở

Hòa giải ở cơ sở là hoạt động giải quyết các mâu thuẫn, xích mích nhỏ trong nhân dân diễn ra ở cơ sở do người thứ ba tiến hành thông qua việc phân tích, hướng dẫn, giúp đỡ các bên có tranh chấp, xích mích nhận thức đúng các quy định của pháp luật liên quan đến nội dung tranh chấp, xích mích để tự nguyện giải quyết các tranh chấp, xích mích đó.

HGCS có một số đặc điểm sau:

- HGCS là hoạt động thuyết phục vận động, giúp đỡ các bên tranh chấp thông cảm hiểu nhau hơn, tự dàn xếp, thỏa thuận để xóa bỏ tranh chấp, nối lại tình cảm gắn bó từ gia đình, xóm giềng, góp phần giữ gìn ổn định, trật tự an toàn xã hội ở cơ sở xã, phường, thị trấn.

- HGCS được tiến hành do một hoặc một số thành viên tổ hòa giải hoặc người có uy tín đối với các bên tranh chấp tiến hành (hòa giải viên).

- HGCS có phạm vi được quy định rất rõ ràng; không phải tất cả các hành vi mâu thuẫn, tranh chấp đều được phép hoà giải mà chỉ có những vụ việc cụ thể nhất định.

- HGCS không bắt buộc, áp đặt các bên tranh chấp phải tiến hành hòa giải, không nhất thiết phải lập biên bản nếu các bên không yêu cầu. Thời gian, địa điểm tiến hành linh hoạt.

- HGCS thường được thực hiện linh hoạt, có sự kết hợp vận dụng quy định của pháp luật với phong tục, tập quán truyền thống, kinh nghiệm của dân gian, hiệu quả là có tính thuyết phục cao, mang lại kết quả ổn thỏa, lâu bền.

- HGCS là một biện pháp tốt để trực tiếp tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, tư vấn pháp lý,... xây dựng lối sống văn hóa cho mọi người.

2.1.3. Khái quát về pháp luật hòa giải cơ sở

2.1.3.1. Khái niệm, đặc điểm của pháp luật về hòa giải cơ sở

Pháp luật HGCS là hệ thống các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực HGCS.

*** Đặc điểm của pháp luật hòa giải cơ sở**

- Pháp luật về HGCS kế thừa truyền thống văn hóa pháp lý của dân tộc sâu sắc hơn so với nhiều luật khác; Pháp luật về HGCS tạo lập khung pháp luật điều chỉnh tổ chức, hoạt động HGCS; Pháp luật về HGCS điều chỉnh một bộ phận của thể chế hòa giải nói chung, đó là hòa giải tranh chấp và xích mích nhỏ ở cơ sở; Việc thực hiện các quy định của pháp luật hòa giải không mang tính chất cưỡng chế nhà nước mà được bảo đảm bằng biện pháp tự nguyện; Chủ thể tham gia quan hệ pháp luật về

hòa giải rất rộng; Pháp luật về hòa giải có vai trò quan trọng hỗ trợ cho cơ quan tư pháp trong áp dụng pháp luật.

** Nội dung của pháp luật về hòa giải cơ sở:* Quy định về HGCS, phạm vi và nguyên tắc HGCS; Về chủ thể tham gia hòa giải; Về căn cứ để tiến hành hoà giải; Về quản lý nhà nước đối với công tác HGCS.

2.1.3.2. Vai trò của pháp luật hòa giải ở cơ sở

- *Pháp luật HGCS phản ánh và thể chế hóa được chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác hoà giải trong nhân dân*

- *Pháp luật HGCS là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện bộ máy tổ chức và hoạt động của các tổ chức trong lĩnh vực HGCS.*

- *Pháp luật HGCS bảo đảm phát huy dân chủ XHCN, là một phương tiện thực hiện dân chủ ở cơ sở.*

- *Pháp luật HGCS góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.*

- *Pháp luật HGCS có vai trò giáo dục ý thức chấp hành pháp luật và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong xã hội*

- *Pháp luật HGCS góp phần tạo dựng những quan hệ mới, tạo ra môi trường ổn định cho việc thiết lập các mối quan hệ hợp tác và phát triển.*

2.2. Khái niệm, vai trò, nội dung, hình thức, chủ thể thực hiện pháp luật hoà giải ở cơ sở

2.2.1 Khái niệm thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở

THPL về HGCS là những hành vi thực tế hợp pháp, có mục đích của các chủ thể pháp luật nhằm hiện thực hóa các quy định của pháp luật HGCS, làm cho chúng đi vào cuộc sống, phát huy vai trò, tác dụng.

2.2.2. Vai trò của thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở

- THPL về HGCS góp phần giải quyết những việc vi phạm pháp luật và tranh chấp trong nhân dân; phòng ngừa, hạn chế vi phạm pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong cộng đồng dân cư.

- THPL về HGCS góp phần phát huy, tăng cường truyền thống đoàn kết, đạo đức dân tộc, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa ở cơ sở.

- THPL về HGCS góp phần hạn chế đơn thư khiếu kiện trong nhân dân, giảm bớt các vụ việc của cơ quan nhà nước, tiết kiệm thời gian, công sức, tiền của của nhân dân và cơ quan nhà nước.

- Thông qua THPL về HGCS, góp phần nâng cao ý thức pháp luật, từng bước xây dựng thói quen chấp hành pháp luật của người dân.

2.2.3. Hình thức thực hiện pháp luật về hoà giải cơ sở

THPL về HGCS được tiến hành thông qua các hình thức là: *Tuân theo (tuân thủ) pháp luật HGCS, Thi hành (chấp hành) pháp luật HGCS, Sử dụng (vận dụng) pháp luật HGCS, Áp dụng pháp luật HGCS.*

2.2.4. Nội dung thực hiện pháp luật về hoà giải cơ sở

2.2.4.1. Nội dung thực hiện của các cơ quan quản lý nhà nước, MTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên:

- Ban hành văn bản hướng dẫn về tổ chức và hoạt động HGCS
- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về HGCS
- Tổ chức các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ HGCS
- Thành lập bộ máy các tổ hoà giải và tổ chức vận hành các tổ

HGCS

- Thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước, các hoạt động phối hợp, và hỗ trợ kinh phí cho hoạt động HGCS

- Kiểm tra, giám sát việc THPL về HGCS
- Tổng kết, đánh giá việc THPL về HGCS

2.2.4.2. Nội dung thực hiện của hoà giải viên

- Tổ chức việc hoà giải theo quy định
- Tham gia tập huấn, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về HGCS và những lĩnh vực pháp luật khác.

- Định kỳ báo cáo kết quả hoà giải với cơ quan quản lý nhà nước về HGCS (UBND hoặc MTTQ cấp xã).

- Tuyên truyền pháp luật về HGCS và các văn bản pháp luật khác liên quan đến cộng đồng dân cư và các đối tượng được hoà giải.

2.2.4.3. Nội dung thực hiện của người được hoà giải và những người khác

- Không cản trở các hoạt động HGCS
- Tích cực tìm hiểu pháp luật liên quan và pháp luật về HGCS
- Tôn trọng sự điều hành của hoà giải viên, nghiêm túc, chủ động thực hiện biên bản hoà giải thành (nếu là hoà giải thành) hoặc kiến

ngộ những cơ quan liên quan giải quyết tiếp mâu thuẫn, tranh chấp (đối với những trường hợp hoà giải không thành).

2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện pháp luật về hòa giải cơ sở

2.3.1. Chất lượng của các quy định pháp luật về hoà giải cơ sở

2.3.2. Ý thức pháp luật của các chủ thể tham gia hòa giải

2.3.3. Sự can thiệp, hỗ trợ từ phía nhà nước

2.3.4. Sự hưởng ứng, tham gia của cộng đồng và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở

Chương 3

THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TỈNH THUỘC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

3.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện pháp luật về hòa giải cơ sở ở các tỉnh thuộc vùng đồng bằng Sông Hồng

3.1.1. Yếu tố kinh tế - xã hội

3.1.2. Đặc điểm văn hóa truyền thống.

3.1.3. Yếu tố tôn giáo, truyền thống.

3.1.4. Quá trình đô thị hóa và phân tầng xã hội.

3.1.5. Yếu tố pháp luật về hòa giải cơ sở

3.2. Tình hình thực hiện pháp luật về hòa giải cơ sở ở các tỉnh thuộc vùng đồng bằng Sông Hồng trong những năm qua

3.2.1. Về hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, MTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên

3.2.1.1. Việc ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành pháp luật về hòa giải cơ sở

Các cơ quan quản lý nhà nước, MTTQ các cấp và các tổ chức thành viên ở các tỉnh thuộc vùng ĐBSH đã tham mưu, ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành pháp luật HGCS tạo nên một hệ thống văn bản tương đối hoàn chỉnh.

3.2.1.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hoà giải cơ sở

Các tỉnh thuộc vùng ĐBSH đã rất quan tâm, chú trọng việc tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các quy định pháp luật về HGCS dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Báo cáo viên tại các buổi tuyên truyền trực tiếp là các cán bộ có chuyên môn sâu về công tác HGCS, thường là lãnh đạo Sở Tư pháp, Phòng Tuyên truyền thuộc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố.

Kết quả: đã tổ chức được trên 250 hội nghị tuyên truyền cho gần 100 nghìn lượt người dự, biên soạn trên 90.000 tin, bài, chương trình trên đài truyền thanh, truyền hình để tuyên truyền.

3.2.1.3. Hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nâng cao nghiệp vụ cho những người làm công tác hòa giải cơ sở.

100% các tỉnh đều đã biên soạn và phát hành tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ, tài liệu pháp luật cung cấp cho các Tổ hòa giải và hòa giải viên (sổ tay pháp luật, tờ gấp, băng đĩa...). Đồng thời, hàng năm đều tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức pháp luật, nghiệp vụ cho các hòa giải viên. Một số tỉnh có tỷ lệ bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho các hoà giải viên cao: như Hà Nội, Hà Nam (100%). Các tỉnh đã tổ chức tốt Hội thi Hòa giải viên giỏi theo phát động của Bộ Tư pháp và UBND MTTQ Việt Nam.

3.2.1.4. Việc thành lập bộ máy các tổ hoà giải và tổ chức, vận hành các tổ hòa giải cơ sở.

Năm 2011, tổng số 11 tỉnh có: 23.570 tổ hoà giải với 143.444 hòa giải viên.

Năm 2012, tổng số 11 tỉnh có: 20.584 tổ hòa giải với 124.269 hòa giải viên.

Năm 2013, tổng số 11 tỉnh có: 20.963 tổ hòa giải với 107.254 hòa giải viên.

Năm 2014, tổng số 11 tỉnh có: 22.178 tổ hòa giải với 150.606 hòa giải viên.

Năm 2015, tổng số 11 tỉnh có: 22.211 tổ hòa giải với 139.842 hòa giải viên.

Năm 2016, tổng số 11 tỉnh có: 24.790 tổ hòa giải với 155.156 hòa giải viên.

Năm 2017, tổng số 11 tỉnh có: 22.617 tổ hòa giải với 141.648 hòa giải viên

Số lượng thành viên của mỗi tổ hòa giải là khác nhau, nhưng trung bình từ 05 - 07 hòa giải viên/tổ, thành phần tổ hòa giải có hòa giải viên nữ, đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tổ hòa giải có hòa giải viên là người dân tộc thiểu số.

Chất lượng của đội ngũ hòa giải viên ngày càng được nâng cao. Năm 2014, trong số 150.606 hoà giải viên thì có 9.545 hòa giải viên có trình

độ chuyên môn luật (chiếm tỷ lệ 6,3%). Năm 2015, trong tổng số 139.842 hoà giải viên thì có 7.510 hoà giải viên có trình độ chuyên môn luật (chiếm 5,4%). Năm 2016, trong tổng số 155.156 hoà giải viên thì có 10.975 hoà giải viên có trình độ chuyên môn luật (chiếm 7%).

3.2.1.5. Hoạt động phối hợp và đầu tư cơ sở vật chất cho thực hiện pháp luật về hoà giải cơ sở

a. Về công tác phối hợp thực hiện pháp luật về hoà giải cơ sở

- Hội Nông dân, Hội LH Phụ nữ, MTTQ đã có nhiều văn bản phối hợp với chính quyền và các cơ quan tư pháp để triển khai thực hiện nhiệm vụ HGCS, đã trực tiếp tiến hành hoà giải thành hàng ngàn vụ việc, góp phần vào kết quả hoà giải thành của cả vùng.

b. Việc đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động hòa giải cơ sở

Hầu hết các tỉnh đã ban hành Nghị quyết (HĐND), Quyết định (UBND) quy định về kinh phí hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải và mức chi thù lao theo vụ, việc cho hòa giải viên.

Tuy nhiên, việc chi kinh phí thường xuyên cho hoạt động hòa giải còn gặp nhiều khó khăn, mới chỉ có Quảng Ninh thực hiện chi thù lao thường xuyên cho hòa giải viên, có kinh phí chi cho hoạt động thường xuyên của tổ hòa giải trên toàn tỉnh; có tỉnh chưa thực hiện chi hỗ trợ cho tổ hòa giải cũng như chi thù lao hòa giải (Ninh Bình, Nam Định, Hà Nam).

3.2.1.6. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về hòa giải cơ sở

Các cơ quan quản lý nhà nước, MTTQ các cấp ở ĐBSH đã thường xuyên tiến hành kiểm tra, giám sát việc THPL về HGCS ở các địa phương. Thông qua hoạt động kiểm tra, kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc; phát hiện những bất cập trong Luật, Nghị định; chấn chỉnh những yếu kém trong công tác quản lý, chỉ đạo, tổ chức triển khai thi hành Luật; biểu dương, động viên những cách làm sáng tạo, mô hình hiệu quả.

3.2.1.7. Việc tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện pháp luật về hòa giải cơ sở

ĐBSH đã tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Pháp lệnh về tổ chức và hoạt động HGCS, sơ kết chuyên đề 3 năm thực hiện Luật Hoà giải ở cơ

sở. Qua đó, đánh giá kết quả THPL về HGCS: những kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế cần tháo gỡ, đề xuất kiến nghị với cấp có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, biểu dương, khen thưởng những tập thể cá nhân đã có thành tích tốt trong thực hiện nhiệm vụ.

3.2.2. Về hoạt động của hoà giải viên

Đội ngũ hoà giải viên ngày càng lớn mạnh về số lượng và chất lượng và thể hiện vai trò quan trọng trong công tác HGCS (năm 2011 có 143.444 hoà giải viên; năm 2017 đã có 159.896 hoà giải viên). Các hoà giải viên luôn nhiệt tình, trách nhiệm, tổ chức hoà giải hàng vạn mâu thuẫn, tranh chấp, xích mích trong nhân dân kịp thời, kiên trì, khách quan, thấu tình, đạt lý đã góp phần duy trì ổn định an ninh trật tự, an toàn xã hội của địa phương.

- Tổng số vụ việc các tổ hoà giải ở ĐBSH đã thực hiện hoà giải là 641.348 vụ việc; hoà giải thành là 552.529 vụ việc, đạt tỷ lệ 86% (trong 13 năm thực hiện pháp lệnh về Tổ chức và hoạt động Hoà giải cơ sở).

- Từ khi thực hiện Luật hòa giải ở Hoà giải ở cơ sở tỷ lệ vụ, việc hòa giải thành ở ĐBSH năm sau đều tăng hơn so với năm trước, cụ thể:

Năm 2014: tỷ lệ hòa giải thành là 78,11 %.

Năm 2015: tỷ lệ hòa giải thành là 79 %.

Năm 2016: tỷ lệ hòa giải thành là 81,4 %.

Năm 2017: tỷ lệ hòa giải thành là 79,33 %.

3.2.3. Về thái độ và hành vi tham gia của người dân vào hoạt động hoà giải cơ sở ở các tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Hồng

Ở các tỉnh thuộc vùng ĐBSH, người dân đã tham gia nhiệt tình trong THPL về HGCS, chấp nhận, đón nhận HGCS như là một lẽ văn hoá tự nhiên; khi có tranh chấp, xích mích, họ tìm đến HGCS, lựa chọn HGCS trước để nhằm vừa mong muốn giải quyết được vấn đề của mình, vừa mong muốn giữ được tình làng, nghĩa xóm, không có bất cứ hành vi nào bị xử lý hành chính hoặc hình sự do chống đối hoạt động HGCS.

Tuy nhiên, không phải mọi mâu thuẫn, xích mích phát sinh người dân ở đây đều tìm đến HGCS, đặc biệt là những mâu thuẫn, xích mích trong phạm vi gia đình/nói một cách khác, HGCS khó vào các mâu thuẫn trong nội bộ gia đình ở ĐBSH.

3.3. Đánh giá chung

3.3.1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân

3.3.1.1. Kết quả đạt được

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về HGCS; việc ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải đã được quan tâm, đẩy mạnh; Việc kiện toàn tổ chức và hoạt động của các tổ hoà giải bước đầu đạt nhiều kết quả; Tỷ lệ các vụ việc hoà giải thành cao, trong đó có những địa phương cao nhất so với cả nước (Hà Nam); Việc đầu tư cơ sở vật chất, nguồn lực cho hoạt động HGCS ngày càng được quan tâm; hoạt động quản lý nhà nước về hòa giải đi vào nề nếp và đạt hiệu quả.

3.3.1.2. Nguyên nhân

- Nhận thức của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên và nhân dân về ý nghĩa, vai trò của công tác HGCS đã đầy đủ hơn do đó có sự quyết tâm vào cuộc cao hơn.

- Sự quyết tâm, nhiệt tình, trách nhiệm của đội ngũ làm công tác HGCS.

- Cơ chế, chính sách cho hoạt động THPL về HGCS ngày càng được hoàn thiện và đầy đủ, tạo thuận lợi hơn.

3.3.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3.3.2.1. Tồn tại, hạn chế

** Trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, MTTQ và các tổ chức thành viên các cấp:*

- Việc ban hành văn bản về HGCS (quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành pháp luật về HGCS,...) của một số địa phương còn chậm, thậm chí có địa phương chưa ban hành.

- Việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về HGCS (bao gồm cả hoạt động giải thích pháp luật) chưa có chiều sâu, do đó chức năng nâng cao nhận thức của tuyên truyền còn hạn chế.

- Việc tổ chức các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ HGCS chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục và đồng bộ ở các cấp (từ cấp tỉnh đến cấp xã), chất lượng còn hạn chế.

- Việc kiện toàn thành lập và vận hành các tổ hoà giải ở một số địa phương còn chậm và còn hình thức.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và hỗ trợ kinh phí cho hoạt động HGCS của một số địa phương còn hạn chế, chưa phát huy tốt trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về công tác hòa giải cơ sở tại địa phương.

** Về hoạt động của hoà giải viên và thực hiện trách nhiệm của công dân:*

- Nhiều hoà giải viên chưa thực sự tâm huyết, nhiệt tình, chưa quan tâm và dành thời gian cho hoạt động HGCS.

- Sự hiểu biết pháp luật về HGCS của một bộ phận nhân dân còn hạn chế.

3.3.2.2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

** Nguyên nhân chủ quan:*

- Nhận thức của cấp uỷ, chính quyền, MTTQ và các tổ chức thành viên ở một số địa phương, của một bộ phận nhân dân về HGCS và THPL về HGCS còn hạn chế; việc đầu tư nguồn lực ở một số địa phương còn hạn chế; Việc áp dụng pháp luật liên quan đến HGCS của một số cơ quan còn cứng nhắc; Việc phối hợp giữa chính quyền, MTTQ và các tổ chức thành viên ở một số địa phương còn lỏng lẻo, chưa chủ động và không thường xuyên.

** Nguyên nhân khách quan:*

Thứ nhất, Pháp luật về HGCS vẫn còn bộc lộ những tồn tại, hạn chế:

- Pháp luật HGCS còn mâu thuẫn, chưa rõ ràng và khó thực hiện.

- Pháp luật HGCS còn chưa điều chỉnh hết những mâu thuẫn, xích mích nhỏ phát sinh trong đời sống xã hội.

- Pháp luật HGCS còn thiếu những mô hình phù hợp đó là Trung tâm hòa giải cộng đồng.

- Pháp luật HGCS và những quy định pháp luật khác liên quan còn mâu thuẫn nhưng chưa có giải pháp khắc phục.

Thứ hai, Những ảnh hưởng từ việc phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế đã có những tác động tiêu cực đến nhận thức, tư tưởng, tình cảm của người dân.

3.3.3. Một số bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn thực hiện pháp luật hoà giải cơ sở ở các tỉnh thuộc vùng đồng bằng Sông Hồng

- THPL về HGCS cần có sự quan tâm vào cuộc của cả hệ thống chính trị và mọi người dân.

- Việc củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực hoạt động của cán bộ Tư pháp các cấp là rất quan trọng.

- Việc phát huy vai trò của quần chúng nhân dân trong công tác hòa giải có ý nghĩa quyết định trong việc xây dựng hòa giải thành một phong trào quần chúng rộng lớn.

- Cần quan tâm củng cố, kiện toàn tổ chức Tổ hòa giải phù hợp với đặc điểm của từng địa phương.

- Hòa giải cơ sở gắn liền với dân chủ ở cơ sở; phát huy tốt dân chủ cơ sở sẽ tạo nên sự ổn định, đồng thuận, tạo điều kiện thuận lợi cho hòa giải phát triển.

Chương 4

QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI CƠ SỞ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY TỪ THỰC TIỄN CÁC TỈNH THUỘC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

4.1. Quan điểm bảo đảm thực hiện pháp luật về hòa giải cơ sở

4.1.1. Bảo đảm thực hiện pháp luật về hoà giải cơ sở nhằm đáp ứng yêu cầu phát huy dân chủ, đề cao vai trò tự quản của nhân dân ở cơ sở góp phần ổn định trật tự xã hội

4.1.2. Bảo đảm thực hiện pháp luật về hoà giải cơ sở nhằm đáp ứng yêu cầu tiếp tục củng cố, phát huy truyền thống đạo lý tốt đẹp của của dân tộc

4.1.3. Bảo đảm thực hiện pháp luật về hoà giải cơ sở nhằm nâng cao hiệu quả cuộc vận động toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới

4.1.4. Bảo đảm thực hiện pháp luật về hoà giải cơ sở nhằm thực hiện chủ trương xã hội hóa giải quyết các tranh chấp, mâu thuẫn nảy sinh trong tình hình mới

4.1.5. Bảo đảm thực hiện pháp luật về hoà giải cơ sở nhằm giảm thiểu những mâu thuẫn, tranh chấp, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội.

4.2. Giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về hòa giải cơ sở

4.2.1. Nâng cao nhận thức xã hội về ý nghĩa, tầm quan trọng của hoà giải cơ sở và thực hiện pháp luật về hoà giải cơ sở

4.2.2. Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về hoà giải cơ sở

4.2.2.1. Rà soát các quy định pháp luật về hoà giải cơ sở

Trước mắt, cần có sự điều chỉnh ngay pháp luật về HGCS liên quan đến những quy định đã thay đổi của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Luật Hôn nhân và gia đình 2015, Luật Đất đai 2013,...

4.2.2.2. Tiếp tục ban hành các văn bản mới để hướng dẫn; đồng thời sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về hoà giải cơ sở

- Cần có sự giải thích khái niệm "cộng đồng dân cư khác", "hiểu biết pháp luật" trong Luật Hoà giải ở cơ sở. Cần nghiên cứu việc hòa giải trong công sở của các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập. ấn quy định việc thành lập Tổ hòa giải theo số lượng dân cư kết hợp với địa bàn sinh sống của họ. Cần có hướng dẫn thống nhất về chức danh tổ trưởng Tổ hòa giải. Chỉ nên quy định: Tổ hòa giải nên có hoà giải viên nữ...

- Nên duy trì mô hình HGCS hai cấp: Tổ hoà giải ở thôn, xóm, cụm dân cư và Ban Hoà giải ở cấp xã. Bổ sung mô hình Trung tâm Hoà giải cộng đồng bên cạnh Tổ hoà giải cơ sở.

4.2.3. Nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần của nhân dân, giữ gìn và phát huy giá trị của văn hoá truyền thống

- Tăng cường giáo dục truyền thống lịch sử trong nhân dân, nhất là đối với thế hệ trẻ, coi đây là một nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

- Đẩy mạnh việc giáo dục ý thức pháp luật cho mọi người dân.
- Đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền, quảng bá văn hoá.
- Thực hiện tốt chính sách của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng.

4.2.4. Nâng cao năng lực của người làm công tác hoà giải, đặc biệt là của hoà giải viên

4.2.4.1. Đối với cán bộ thực hiện nhiệm vụ tham mưu công tác quản lý nhà nước về hoạt động hoà giải cơ sở

Cần khẩn trương xây dựng và ban hành đề án vị trí việc.

Cần quan tâm bố trí ổn định cán bộ chuyên trách phụ trách mảng tuyên truyền, HGCS. Có cơ chế để bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ thường xuyên cho đội ngũ cán bộ làm công tác HGCS.

4.2.4.2. Đối với các hoà giải viên

- Giới thiệu và bầu được những hoà giải viên có chất lượng, quan tâm đến những nhân sự đã từng công tác trong ngành pháp luật, từng công tác trong các cơ quan nhà nước,... hoặc chú ý thu hút các luật gia, luật sư tham gia vào công tác HGCS.

- Thường xuyên phổ biến pháp luật, đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn hoà giải cho hoà giải viên.

4.2.5. Đa dạng hóa các loại hình hòa giải phù hợp với tính đa dạng của các tranh chấp phát sinh

Cần có các quy định nhằm tạo động lực khuyến khích các bên sử dụng hòa giải. Đồng thời đảm bảo yếu tố tự nguyện, tự quản của hòa giải. Bên cạnh đó, từng bước đề cao năng lực, tính chuyên nghiệp của hòa giải viên để bảo đảm chất lượng hòa giải, đáp ứng yêu cầu giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật ngày càng phong phú, đa dạng, phức tạp.

4.2.6. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hòa giải

Tăng cường theo dõi thi hành và kiểm tra, giám sát việc THPL về HGCS, xử lý nghiêm minh những hiện tượng không thực hiện/vi phạm pháp luật trong THPL về HGCS.

4.2.7. Nâng cao vai trò lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng và sự phối hợp của các tổ chức đoàn thể xã hội vào hoạt động hoà giải, thực hiện pháp luật về hoà giải cơ sở

- Các cấp uỷ Đảng cần tăng cường lãnh đạo việc THPL về HGCS của địa phương; thường xuyên tiến hành kiểm tra, giám sát việc THPL về HGCS thông qua kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức và các cán bộ, đảng viên liên quan; quan tâm lãnh đạo hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho mọi người dân trên địa bàn.

KẾT LUẬN

THPL về HGCS ở các tỉnh thuộc vùng ĐBSH trong những năm qua đã và đang được sự quan tâm vào cuộc của cả hệ thống chính trị và nhân dân. Việc chỉ đạo, đôn đốc, tổ chức và phối hợp thực hiện một cách trách nhiệm, sâu sắc và tích cực đã tạo nên những kết quả đáng khích lệ góp phần ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, nâng cao đồng thuận xã hội, tạo đà phát triển kinh tế - văn hóa – xã hội của vùng. Bên cạnh đó, những kết quả về THPL về HGCS ở ĐBSH cũng tạo ra những hiệu ứng quan trọng, tích cực để giúp các cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương đánh giá, nhân rộng và chỉ đạo ra cả nước. Quá trình nghiên cứu về THPL về HGCS ở ĐBSH cho thấy:

1. HGCS là một chế định có lịch sử lâu đời, gắn liền với văn hoá truyền thống của người Việt. HGCS tồn tại nhằm phát hiện và giải quyết những mâu thuẫn, xích mích nhỏ trong các thôn, làng, cộng đồng dân cư; củng cố và tăng cường tình đoàn kết trong nội bộ nhân dân, góp phần đảm bảo an ninh, trật tự xã hội của các địa phương. Việc tiếp tục duy trì và phát triển chế định HGCS trong xã hội hiện đại là một yêu cầu cần thiết; HGCS cùng với các chế định pháp luật, xã hội khác đã, đang và sẽ hướng con người đến những mục tiêu phát triển lành mạnh của xã hội trong giai đoạn hiện nay và những năm tới.

2. THPL về HGCS là một hoạt động quan trọng nhằm đưa những quy định pháp luật HGCS vào thực tiễn cuộc sống. Bên cạnh những đặc điểm chung, mang tính phổ biến, việc THPL về HGCS ở các tỉnh thuộc vùng ĐBSH có những đặc điểm riêng, phản ánh những đặc thù của khu vực này. Đó là tác động của yếu tố làng xã Bắc bộ, của hương ước, của các chuẩn mực đạo đức, các giáo lý; của văn hóa pháp lý và ý thức pháp luật của người dân; của quá trình đô thị hóa và phân tầng xã hội... Thông qua THPL về HGCS, nhiều quy định pháp luật khác được phổ biến, tuyên truyền đến nhân dân, góp phần nâng cao ý thức pháp luật, nhận thức pháp luật của nhân dân. Thông qua THPL về HGCS, nhiều nội dung của đạo đức, văn hoá,... được gợi mở, củng cố và khích lệ người dân hướng tới/thực hiện; hướng hành vi con người đến sự hợp lý, hợp chuẩn

và hướng con người đến những giá trị chân - thiện - mỹ. Nói một cách khác, THPL về HGCS góp phần hoàn thiện con người, củng cố văn hoá truyền thống của người Việt Nam.

3. Những kết quả của THPL về HGCS ở các tỉnh thuộc ĐBSH trong những năm gần đây đã góp phần quan trọng vào việc ổn định tình hình an ninh, trật tự, củng cố tinh đoàn kết của người dân trong điều kiện đô thị hóa và phân tầng xã ngày càng mạnh mẽ. Bên cạnh đó, làm giảm tải công việc cho các cơ quan nhà nước, tiết kiệm chi phí cho nhà nước và xã hội. Hàng ngàn vụ việc mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân đã được các hoà giải viên hoà giải thành thông qua sự nhiệt tình, chủ động, tâm huyết và trách nhiệm. Kết quả hòa giải không chỉ tác động đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, mà còn góp phần phổ biến pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân. Bên cạnh đó, thực hiện pháp luật về HGCS cũng còn nhiều vướng mắc, hạn chế vì những nguyên nhân khách quan và chủ quan. Những nguyên nhân này cần sớm được khắc phục trong thời gian tới.

4. Từ thực tiễn thực các tỉnh thuộc vùng ĐBSH cho thấy, thực hiện pháp luật về HGCS đang đứng trước nhiều thách thức của sự phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội trong nửa đầu thế kỷ XXI, khi nền kinh tế thị trường định hướng XHCN đã làm thay đổi diện mạo và nội dung các tranh chấp, xích mích trong cộng đồng khắc hẳn so với thời kỳ kinh tế tập trung; khi quá trình tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN đòi hỏi phát huy dân chủ trực tiếp nhiều hơn, thu hút mạnh mẽ hơn sự tham gia của người dân vào các công việc của xã hội và nhà nước. Vì vậy, trên quan điểm phát huy và bảo tồn các giá trị văn hóa pháp lý truyền thống, cần hoàn thiện chế định HGCS phù hợp với yêu cầu của hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của nước ta. Đồng thời tổ chức thực hiện tốt các quy định pháp luật về HGCS, đáp ứng yêu cầu mới. Với ý nghĩa quan trọng như vậy, THPL về HGCS cần được quan tâm hơn nữa ở tất cả các khía cạnh, trong đó việc tiếp tục nghiên cứu để đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động này là cần thiết./.

DANH SÁCH CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Những vướng mắc trong thực hiện pháp luật về hòa giải cơ sở và hướng khắc phục, Tạp chí Dân chủ & pháp luật; Số Tháng 11/2016
2. *Một số yếu tố tác động đến công tác hòa giải ở vùng đồng bằng sông Hồng*, Tạp chí Dân chủ & pháp luật, Số Tháng 7/2017